

## TỜ TRÌNH

**Đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định một số mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ 6.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ 6 ban hành Nghị quyết Quy định một số mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*Nghị quyết*), cụ thể như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Nghị định 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ<sup>1</sup> (*Nghị định 116/2021/NĐ-CP*):

Điều 39 quy định về chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy như sau:

*“1. Ngân sách nhà nước bảo đảm tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập.*

*2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 95% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường đối với các đối tượng sau: a) Thương binh; b) Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Người thuộc hộ nghèo; d) Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; đ) Trẻ em mồ côi; e) Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.*

*3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách và dự kiến số lượng người tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định:*

*a) Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này.*

<sup>1</sup> quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống ma túy, Luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy

b) *Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân ít nhất bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;*

c) *Mức hỗ trợ chỗ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.*

4. *Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp của Luật ngân sách nhà nước”.*

2. Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính<sup>2</sup> (Thông tư số 62/2022/TT-BTC):

a) *Điểm a Khoản 11 Điều 5 quy định: “Người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định trở về địa phương nơi cư trú được cấp tiền ăn khi đi đường, tiền tàu xe và 01 (một) bộ quần áo thường (nếu họ không có) theo quy định tại Khoản 4 Điều 62 Nghị định 116/2021/NĐ-CP; cụ thể:*

- *Tiền ăn: Mức hỗ trợ 70.000đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 03 ngày;*

- *Tiền tàu xe: Mức hỗ trợ theo giá phương tiện công cộng phổ thông;*

- *Cấp 01(một) bộ quần áo mùa hè hoặc 01(một) bộ quần áo mùa đông.*

*Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định mức hỗ trợ tối đa để Cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện mua sắm và cấp quần, áo cho đối tượng; hỗ trợ mức cao hơn tiền ăn và tiền tàu xe quy định tại điểm này”.*

b) *Khoản 2 Điều 6 quy định: “Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định mức thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, tối đa không quá 0,6 (không phẩy sáu) lần mức lương cơ sở hiện hành theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP”.*

c) *Khoản 4 Điều 7 quy định: “Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và dự kiến số lượng đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:*

a) *Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư 62/2022/TT-BTC.*

<sup>2</sup> quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy

b) *Mức hỗ trợ chỗ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện*”.

**3.** Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính<sup>3</sup> (*Thông tư số 117/2017/TT-BTC*), Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018<sup>4</sup> (*Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND*). Tuy nhiên, theo Điều 12 Thông tư số 62/2022/TT-BTC: Thông tư số 117/2017/TT-BTC hết hiệu lực toàn bộ kể từ ngày Thông tư số 62/2022/TT-BTC có hiệu lực thi hành (*kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2022*).

Từ các cơ sở nêu trên; để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ 6 xem xét ban hành Nghị quyết là cần thiết, phù hợp với quy định hiện hành.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Ban hành Nghị quyết để quy định một số mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Kon Tum đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 62/2022/TT-BTC và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

### **2. Quan điểm**

- Đảm bảo tính chặt chẽ và thống nhất, đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Luật ngân sách nhà nước và các quy định, hướng dẫn khác có liên quan.

- Đảm bảo điều kiện ngân sách, năng lực tổ chức thực hiện; tính hiệu quả, thực thi của chính sách sau khi ban hành. Nội dung chi đảm bảo đúng quy định tại Nghị định 116/2021/NĐ-CP, Thông tư số 62/2022/TT-BTC và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Kon Tum.

## **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết quy định một số mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Người đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Kon Tum cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy; người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp

<sup>3</sup> Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng

<sup>4</sup> Quy định mức hỗ trợ một số chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc; mức đóng góp, mức hỗ trợ và chế độ miễn, giảm một số chi phí đối với người nghiện ma túy trong thời gian cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú.

b) Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã.

c) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện mức hỗ trợ đối với người làm công tác cai nghiện ma túy, người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

#### **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện Thông báo số 29/TB-TTHĐND ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh<sup>5</sup>, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, xây dựng dự thảo Nghị quyết. Theo đó, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức lấy ý kiến tham gia của các Sở, ban ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đăng tải nội dung dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến tham gia của các đối tượng liên quan; lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp. Dự thảo đã được thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 10 năm 2023. Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 và các văn bản pháp luật liên quan.

#### **V. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

1. Bố cục dự thảo Nghị quyết gồm có 06 điều: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng. Điều 2. Hỗ trợ người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú. Điều 3. Hỗ trợ người đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Kon Tum cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập. Điều 4. Hỗ trợ người làm công tác cai nghiện ma túy. Điều 5. Tổ chức thực hiện. Điều 6. Điều khoản thi hành.

##### **2. Nội dung cơ bản:**

Điều 2. Hỗ trợ người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú.

1. Trong thời gian tỉnh Kon Tum chưa thành lập cơ sở cai nghiện bắt buộc, mức chi thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc thực hiện theo mức thu của cơ sở cai nghiện bắt buộc mà cơ quan, người có thẩm quyền của tỉnh Kon Tum chuyển, gửi người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

<sup>5</sup> về kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp ngày 24 tháng 8 năm 2023.

2. Hỗ trợ người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú: cấp 01 (một) bộ quần áo mùa hè với mức hỗ trợ không quá 300.000 đồng/bộ/người hoặc 01 (một) bộ quần áo mùa đông với mức hỗ trợ không quá 400.000 đồng/bộ/người.

Điều 3. Hỗ trợ người đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Kon Tum cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

1. Hỗ trợ đối với các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

a) Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường theo điểm a khoản 2, điểm b Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

b) Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân: Mức chi bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Hỗ trợ 100% chi phí chỗ ở cho tất cả các đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

Điều 4. Hỗ trợ người làm công tác cai nghiện ma túy

Hỗ trợ thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Mức hỗ trợ bằng 0,6 (không phải sáu) lần mức lương cơ sở hiện hành.

*\* Các mức hỗ trợ khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện bằng mức hỗ trợ theo quy định của Thông tư số 62/2022/TT-BTC, Nghị định số 116/2021/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.*

*Đối với nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các khoản chi đặc thù theo quy định tại khoản 14 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC nêu trên<sup>6</sup>, hiện nay qua rà soát, các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh không phát sinh các khoản chi đặc thù, không đề xuất ban hành các khoản chi đặc thù ngoài quy định.*

<sup>6</sup> “14. Trường hợp trên thực tế phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định tại các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước”

## **VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

**1. Dự kiến nguồn lực:** Ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định.

**2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết:** Sau khi Nghị quyết được ban hành và có hiệu lực, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các địa phương, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện theo quy định.

*(Tài liệu gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các tài liệu khác có liên quan).*

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, kỳ họp thứ 6 xem xét, quyết định./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu VT, KTTH, KGVX.PTP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Y Ngọc**